TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **42**/2023/QĐST-HNGĐ	*Â n Thi, ngày 29 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị HCiu Ê B, sinh năm 1997

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1993

Người có QLNV liên quan: Cháu Nguyễn Thị T M, sinh ngày 02/10/2019

Người đại diện hợp pháp của cháu My: Chị HCiu Ê B– mẹ đẻ của cháu

Đều trú tại: PH, BS, AT, Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hoà giải thành ngày 21/8/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hoà giải thành ngày 21/8/2023 là hoàn toàn tự N và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự N ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị HCiu Ê B và anh Nguyễn Trọng N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị HCiu Ê B và anh Nguyễn Trọng N thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Trọng N và chị HCiu Ê B có 01 con chung là Nguyễn Thị T M, sinh ngày 02/10/2019. Nay ly hôn, anh N, chị HCiu Ê B thống nhất thỏa thuận để anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu My đến tuổi thành niên. Chị HCiu Ê B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh N là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ

tháng 08/2023 cho đến khi cháu My đến tuổi thành niên. Chị HCiu Ê B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị HCiu Ê B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- *Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Chị HCiu Ê B, anh N không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

- *Về án phí*: Chị HCiu Ê B tự N chịu cả 150.000 đồng án phí STDS và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003178 ngày 18/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị HCiu Ê B đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr- ờng hợp Quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Ân Thi;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Ân Thi;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Bắc Sơn, Ân Thi, Hưng Yên*
- *Lưu HS.*

Nguyễn Đồng Dực